

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 27 tháng 11 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Thân Thị Huệ Ngày tháng năm sinh: 01/01/1985

Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Phước Hòa

- Nơi thường trú: Bưng riềng – Vĩnh Hòa – Phú Giáo – Bình Dương

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 024185015926

ngày cấp 4/12/2024 nơi cấp cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Tài Hưng Ngày tháng năm sinh: 21/5/1982

- Nghề nghiệp: CNV

- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Xã Vĩnh Hòa- Phú Giáo – Bình Dương

- Nơi thường trú: Bưng riềng – Vĩnh Hòa – Phú Giáo – Bình Dương

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân 036082015124 ngày cấp 21/4/2021
nơi cấp cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Tú Anh Ngày tháng năm sinh: 18/11/2010

- Nơi thường trú: Bưng riềng – Vĩnh Hòa – Phú Giáo – Bình Dương

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: Không có

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: Nguyễn Tú Anh Ngày tháng năm sinh: 01/5/2014

- Nơi thường trú: Bưng riềng – Vĩnh Hòa – Phú Giáo – Bình Dương

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: Không có

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾: Không có

1.1. Đất ở⁽⁷⁾: 01

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Bưng riềng – Vĩnh Hòa – Phú Giáo – Bình Dương

- Diện tích⁽⁹⁾: 1.212.1m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 600.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CS10326
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Đất mua chung có cổ phần 40%

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ: Bưng riềng – Vĩnh Hòa – Phú Giao – Bình Dương
- Diện tích: 2023,7m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 2000.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: AA00377299
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Được bố mẹ cho tặng

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không có

2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không có

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: 01

- Địa chỉ: Bưng riềng – Vĩnh Hòa – Phú Giao – Bình Dương
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: 1 Triệt 1 lầu
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 140m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 2000.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: AA00377299
- Thông tin khác (nếu có): Được bố mẹ cho tặng

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không có

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: không có

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không có

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾. Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có

- Tên chủ tài khoản: Không . số tài khoản: Không
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: Không

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 190 triệu đồng
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 150 triệu đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .Không
- Tổng các khoản thu nhập chung: 340 triệu.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không có biến động.

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất: Không có 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không có 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không có 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Không có 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: Không có 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Không có 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. Không có 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.		340 triệu	Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp cá nhân 190 triệu. Thu nhập của chồng: 150 triệu.
---	--	-----------	--

Phủ giáo, ngày tháng năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

Phv

Phan Thị Hải Yến

Phước Hòa, ngày *28* tháng 11 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Th

Thân Thị Huệ

